

Số: 43 /2026/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong tổ chức thi hành
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 và thay thế các Quyết định: Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 08 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và Quyết định số

43/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2022 của UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP, Website Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực TU;
- HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Phú Thọ;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tòa án ND tỉnh; Viện Kiểm sát ND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã; phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, NC (...b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thị Kim Nga

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là tổ chức thi hành pháp luật) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các sở, ban, ngành tỉnh;
- b) Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi là UBND cấp xã);
- c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, địa phương và những quy định pháp luật có liên quan.
2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm giữa các cơ quan, địa phương.
3. Phân công trách nhiệm cho từng cơ quan, địa phương; đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
4. Không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức và cá nhân khi tiến hành các hoạt động tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL).
2. Hướng dẫn áp dụng và chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản QPPL.
3. Thu thập, xử lý thông tin; tiếp nhận và xử lý kiến nghị về thi hành văn bản QPPL.
4. Kiểm tra về tổ chức thi hành pháp luật.
5. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật.

6. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản QPPL.
7. Trách nhiệm phối hợp trong cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản, thư điện tử theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tổ chức, cá nhân có liên quan.
2. Tổ chức và tham gia hội thảo, tọa đàm, điều tra, khảo sát.
3. Tổ chức kiểm tra về tổ chức thi hành pháp luật.
4. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; họp liên ngành.
5. Các hình thức phối hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II **NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG** **TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT**

Điều 5. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp theo khoản 3 Điều 12 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Căn cứ Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và cơ quan có liên quan ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và gửi kế hoạch về UBND tỉnh (*qua Sở Tư pháp*) để theo dõi, tổng hợp.

3. UBND cấp xã ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý theo thời hạn quy định tại Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL của UBND tỉnh và gửi về UBND tỉnh (*qua Sở Tư pháp*) để theo dõi, tổng hợp.

Điều 6. Hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL và thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản QPPL

1. Cơ quan, đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản QPPL có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát nội dung đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL do mình soạn thảo để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL xem xét, ban hành văn bản hướng dẫn.

2. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL giao cho cơ quan, đơn vị soạn thảo văn bản QPPL ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng đối với văn bản QPPL, cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản QPPL có trách nhiệm rà soát nội dung cần hướng dẫn và xem xét, ban hành văn bản hướng dẫn theo đúng thẩm quyền.

3. Các sở, ban, ngành hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản QPPL thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của mình cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã.

4. Trường hợp cần thiết hoặc theo văn bản đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản QPPL, các sở, ban, ngành thực hiện cung cấp thông tin, giải pháp, biện pháp, cách thức thực hiện quy định của văn bản QPPL cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 7. Thu thập, xử lý thông tin về thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật

1. Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã có trách nhiệm

a) Thu thập thông tin về thi hành văn bản QPPL thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý từ các nguồn: Báo cáo của cơ quan, tổ chức; kết quả hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác trong thi hành văn bản QPPL; thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và các nguồn thông tin phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

b) Nghiên cứu, phân tích, so sánh, đánh giá, xử lý thông tin về thi hành văn bản QPPL thuộc thẩm quyền và tổng hợp vào báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

c) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL thuộc ngành, lĩnh vực quản lý được gửi trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL hoặc nhận được trực tiếp bằng văn bản của tổ chức, cá nhân.

d) Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong việc thu thập, tiếp nhận thông tin về thi hành văn bản QPPL khi có yêu cầu.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành; UBND cấp xã giúp UBND tỉnh thu thập, tiếp nhận thông tin thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương; Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL; thường xuyên tổng hợp tình hình tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị, phản ánh từ các cơ quan, đơn vị; báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện nhiệm vụ này tại địa phương.

b) Nghiên cứu, phân tích, so sánh, đánh giá, xử lý thông tin về việc theo dõi thi hành văn bản QPPL. Sau khi kiểm tra, đối chiếu, đánh giá, xử lý tính xác thực, thông tin về văn bản QPPL được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tổ chức thi hành pháp luật theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tổ chức thi hành pháp luật khi có yêu cầu.

Điều 8. Kiểm tra về tổ chức thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan giúp UBND tỉnh kiểm tra các hoạt động tổ chức thi hành pháp luật; kiểm tra việc thi hành văn bản QPPL thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng HĐND và UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cùng cấp tham mưu, giúp UBND cùng cấp kiểm tra việc thực hiện các hoạt động tổ chức thi hành pháp luật; kiểm tra việc thi hành văn bản QPPL thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND cấp xã tham mưu, giúp UBND cùng cấp kiểm tra việc thi hành văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý ở địa phương, cử đại diện tham gia đoàn kiểm tra liên ngành khi có yêu cầu.

4. Việc điều tra, khảo sát thi hành văn bản QPPL được tiến hành lồng ghép trong nội dung kiểm tra tổ chức thi hành pháp luật. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan thực hiện điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản QPPL theo kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh và khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì thực hiện điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản QPPL khi có yêu cầu.

Điều 9. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản QPPL; Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản QPPL theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, số liệu, xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản QPPL.

2. Xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hàng năm

a) Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) về hoạt động tổ chức thi hành pháp ở địa phương theo quy định.

b) Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh chậm nhất vào ngày 07 tháng 12 của kỳ báo cáo để UBND tỉnh ban hành.

c) Nội dung báo cáo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Phương thức gửi, nhận báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

3. Báo cáo xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản QPPL

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị; UBND cấp xã báo cáo xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản QPPL, trình UBND tỉnh theo quy định;

b) Nội dung báo cáo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về tổ chức thi hành pháp luật: Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan có liên quan xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật theo chuyên đề hoặc đột xuất trình UBND cùng cấp theo quy định.

Điều 10. Phối hợp trong cung cấp thông tin về tổ chức thi hành pháp luật

Việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện như sau:

1. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về theo dõi thi hành văn bản QPPL của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát việc thi hành văn bản QPPL.

3. Hội Luật gia, Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến việc thi hành văn bản QPPL.

4. Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành văn bản QPPL của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng

pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính đồng bộ, khả thi của văn bản QPPL và các vấn đề có liên quan khác.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về việc thi hành văn bản QPPL.

6. Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp thông tin, kiến nghị và ý kiến phản ánh về việc thi hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

Chương III **KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho tổ chức thi hành pháp luật do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn hỗ trợ từ các dự án, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

2. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí cho tổ chức thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan có liên quan: Tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý trên địa bàn tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II của Quy chế này.

2. Sở Tư pháp: Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức thi hành pháp luật; phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II của Quy chế này.

3. UBND cấp xã: Tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương; thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II của Quy chế này.

4. Khi các văn bản QPPL dẫn chiếu sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.